Người ký: Phan Công Khanh
Email: khanhpc.tdm@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Chức vụ: Chánh Văn phòng
Thời gian ký: 23.11.2017 10:35:52 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2436 /UBND-KT	*Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 11 năm 2017*

V/v lấy ý kiến nhân dân về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố Thủ Dầu Một

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Văn hoá Thông tin;
- Đài Truyền thanh Thành phố;
- UBND 14 phường.

Thực hiện Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND9 ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2595/UBND-KTN ngày 08 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện

Qua xem xét Tờ trình số 1371/TTr-TNMT ngày 20/11/2016 của phòng Tài nguyên và Môi Trường, Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

1. Giao Phòng Văn hoá Thông tin thành phố công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố Thủ Dầu Một để lấy ý kiến nhân dân về nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố Thủ Dầu Một.

2. Giao Đài Truyền thanh thành phố phát thanh nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố Thủ Dầu Một để người dân biết tham gia góp ý.

3. Giao UBND 14 phường căn cứ nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố Thủ Dầu Một thông báo rộng rãi trên Đài Truyền thanh của UBND phường để người dân kịp thời nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến.

4. Nội dung công khai lấy ý kiến bao gồm:

- Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020;

- Danh mục các dự án, công trình dự án thực hiện đến năm 2020;

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (tỷ lệ 1/10.000).

- Thời gian đăng tin công khai lấy ý kiến nhân dân là 30 ngày kể từ ngày đăng tin.

Trong thời gian đăng tin công khai nếu tổ chức, cá nhân có thắc mắc hoặc góp ý xin gửi bằng văn bản về Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một hoặc email: tnmt.tdm@binhduong.gov.vn

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở TN &MT (b/c);
- CT UBND TP b/c);
- Các PCT UBND TP;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Trâm.

D:\QueTram\2017\CA NHAN\Du thao công bố công khai điều chỉnh QHSDĐ 2020.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

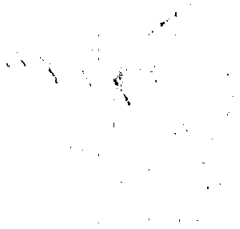

UBND THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1371 /TTr-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
V/v Lấy ý kiến nhân dân về lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND9 ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2595/UBND-KTN ngày 08 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2016 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chủ động kết hợp với các Phòng, ban ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, đơn vị tư vấn triển khai thực hiện, đến nay đã hoàn thành dự thảo phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Thủ Dầu Một.

Căn cứ theo Điều 43 - Luật đất đai 2013, trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tổ chức lấy ý kiến đóng

góp của nhân dân những nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

Nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chỉ đạo công khai nội dung "Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Thủ Dầu Một" trên Cổng thông tin điện tử của thành phố để lấy ý kiến nhân dân, nội dung công khai lấy ý kiến bao gồm (kèm theo):

- Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020;
- Danh mục các dự án, công trình dự án thực hiện đến năm 2020;
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (tỷ lệ 1/10.000).
- Thời gian đăng tin công khai lấy ý kiến nhân dân là 30 ngày kể từ ngày đăng tin.

Trong thời gian đăng tin công khai nếu tổ chức, cá nhân có thắc mắc hoặc góp ý xin gửi bằng văn bản về Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một để được giải đáp.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND thành phố Thủ Dầu Một xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Thị Lý

Phụ lục 01: Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2020

Đơn vị tính:ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2015	Quy hoạch 2020	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
	Tổng diện tích tự nhiên	**11.890,58**	11.890,58	689,39	476,43	792,52	681,32	586,54	2.849,31	244,47	656,77	712,94	630,06	1.537,67	490,31	1.022,38	520,46
1	**Đất nông nghiệp**	**3.129,56**	1.716,63	210,65	100,91	363,42	165,99	128,31	-	0,00	64,70	81,32	286,52	15,91	80,98	77,19	140,73
1.1	Đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	684,89	362,48	126,24	8,10	20,82	23,92	12,92	-	-	39,33	25,31	33,41	2,39	3,72	21,95	44,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2.427,81	1.338,29	77,69	92,80	342,60	142,00	115,39	-	0,00	25,37	56,01	254,11	13,52	76,42	52,76	89,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	11,92	11,92	6,72	0,01	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	0,84	0,69	3,59
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	4,94	3,94	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1,00)	-	-	1,79	3,15
2	**Đất phi nông nghiệp**	**7.536,02**	10.173,97	478,75	375,50	429,07	515,33	458,23	2.849,31	244,47	592,10	631,63	343,54	1.521,76	409,34	945,21	379,73
2.1	Đất quốc phòng	375,04	417,24	-	-	13,96	-	10,87	-	34,66	2,93	324,82	-	-	30,00	-	-
2.2	Đất an ninh	18,09	28,00	1,21	10,14	7,76	0,39	2,93	0,54	0,07	0,16	0,08	3,96	0,20	0,08	0,30	0,18
2.3	Đất khu công nghiệp	1.871,57	1.535,13	-	-	-	-	-	717,14	-	-	-	-	817,99	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	290,05	666,01	12,05	7,94	7,06	214,08	6,46	139,01	3,10	19,33	19,80	2,00	228,97	2,80	2,41	1,00
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	242,49	204,95	1,17	20,37	16,14	6,80	18,57	19,72	-	33,69	7,76	4,51	24,43	25,71	12,67	13,41
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.089,34	2.366,38	109,30	94,43	135,69	90,88	134,07	981,34	50,02	141,54	79,58	121,94	167,42	94,07	84,79	81,31
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,71	13,80	-	0,07	-	-	0,74	-	1,23	-	7,58	-	-	-	0,38	3,80
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất	11,88	11,88	-	-	-	-	0,20	-	-	0,63	-	-	-	11,05	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2015	Quy hoạch 2020	Phân theo đơn vị hành chính														
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
	thải																	
2.13	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	1.961,39	3.829,76	225,35	186,16	217,74	186,08	233,60	848,49	95,49	352,66	170,11	190,96	267,46	178,01	461,92	215,73
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	39,68	42,63	1,29	2,83	0,60	1,38	4,95	12,65	5,88	3,88	4,72	0,92	0,50	0,43	1,49	1,11
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,97	1,97	-	0,13	-	-	0,12	-	0,08	0,10	0,54	-	-	1,00	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	33,18	33,26	2,32	4,48	3,68	0,39	4,99	1,98	6,52	1,28	0,65	-	-	3,44	3,20	0,33
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	81,54	38,52	0,70	0,45	-	2,87	3,18	17,66	-	-	1,24	1,38	-	0,75	-	10,29
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,30	6,84	0,30	0,38	0,67	0,44	0,42	0,64	0,13	0,68	0,27	2,21	0,10	0,13	0,28	0,19
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	112,40	563,39	32,81	15,33	21,84	5,23	22,56	87,77	27,36	24,47	13,64	5,04	14,69	32,02	232,82	27,81
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	14,94	14,62	0,20	0,40	1,87	0,78	0,23	0,08	-	1,08	0,84	3,44	-	0,93	4,77	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	356,94	356,94	90,15	32,39	2,06	6,01	2,62	6,55	19,93	7,27	-	0,66	-	28,92	135,81	24,57
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	17,85	36,15	1,90	-	-	-	11,72	15,76	-	2,40	-	-	-	-	4,37	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	6,68	6,52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,52	-	-	-	-
3	**Đất chưa sử dụng**	**1.225,02**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 02: Danh mục công trình, dự án thực hiện đến năm 2020

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
I	**ĐẤT QUỐC PHÒNG**							
1	Đất dự trữ quốc phòng	CQP	Định Hòa		10,00	BCS		
2	Công trình quân sự cấp Quân khu	CQP	Phú Thọ		30,00	CLN		
II	**ĐẤT AN NINH**							
1	Trạm PCCC khu đô thị Sinh Thái	CAN	Chánh Mỹ		0,91	bcs		
2	Công an phường Chánh Mỹ	CAN	Chánh Mỹ		0,05	TSC		
3	Đất An ninh dự trữ cho Công an phường	CAN	Chánh Mỹ		0,25	TSC		
4	Công an thành phố Thủ Dầu Một	CAN	Định Hòa		3,35	CLN		
5	Cảnh sát PCCC	CAN	Định Hòa		4,1	BCS		
6	Đất An ninh dự trữ cho Công an phường	CAN	Hòa Phú		0,34	BCS		
7	Công an phường Tân An	CAN	Tân An		0,06	CLN		
8	Đất An ninh dự trữ cho Công an phường	CAN	Tân An		0,24	CLN		
9	Công an phường Tương Bình Hiệp	CAN	Tương Bình Hiệp		0,18	NTD		
10	Trụ sở Cảnh sát PCCC khu vực	CAN	Phú Mỹ		0,77	NTD		
III	**ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP**							
1	Khu công nghiệp Đồng An 2 mở rộng	SKK	Hòa Phú		52	SKK		
IV	**ĐẤT TM - DV**							
1	Đ/c giảm DT KCN Kim Huy	TMD	Phú Tân	213,63	41,63	SKK		
2	Đ/c giảm DT KCN Sóng Thần 3	TMD	Phú Tân	533,78	106,78	SKK		
3	Đ/c giảm DT KCN Đại Đăng	TMD	Phú Tân	296,46	77,46	SKK		
4	Đ/c giảm DT KCN Phú Tân	TMD	Hòa Phú	138,39	31,39	SKK		
5	Đ/c giảm DT KCN Đồng An 2	TMD	Hòa Phú	208,94	3,94	SKK		
6	Đ/c giảm DT KCN Việt Nam - Singapore II	TMD	Hòa Phú	362,17	32,17	SKK		
7	Đ/c giảm DT KCN Việt Nam - Singapore mở rộng	TMD	Hòa Phú	39,52	39,52	SKK		
8	Đ/c giảm DT KCN Mapletree	TMD	Hòa Phú	78,55	3,55	SKK		
9	Dự án Bến du thuyền	TMD	Phú Cường		0,15			
10	Dự án Bến du thuyền	TMD	Tương Bình Hiệp					
11	Trung tâm Đô thị - Dịch vụ Becamex Center 2	TMD	Phú Hòa		8,55	TMD		
12	Chi nhánh VP làm việc ngân hàng XNK Việt Nam	TMD	Phú Hòa		0,1	ODT		
13	Khu đất Công ty CP An Bình thuê lại của cty 3/2 làm DV kho bãi (tiếp giáp Sư đoàn 7)	TMD	Phú Lợi		21	BCS		
14	Khu đô thị TOD Phú Lợi	TMD	Phú Lợi		1,94	DGT		
15	Đất dịch vụ trên nền UBND	TMD	Tân An		0,37	TSC	13,00	133,00
V	**ĐẤT GIAO THÔNG**							
1	Bến phà (Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ)	DGT	Chánh Mỹ		0,61	BCS		
2	Đường Nguyễn Văn Lộng	DGT	Chánh Mỹ		1,66	CLN, ODT		
3	Đường ven sông Sài Gòn	DGT	Tân An, Tương		23,97	HNK, CLN, BCS		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
			Bình Hiệp, Chánh Mỹ, Chánh Nghĩa, Phú Thọ					
4	Đường phường Chánh Mỹ 2 nhánh (Đoạn N4, N6)	DGT	Chánh Mỹ		1,14	bcs		
5	Đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Chánh Mỹ		0,4	BCS		
6	Mở mới đường đê bao dọc rạch bà Cô (QHPK là N8)	DGT	Chánh Mỹ		2,12	CLN, ODT		
7	Đường N3 (từ Huỳnh Văn Cù đến ranh DA Khu ĐTST Chánh Mỹ)	DGT	Chánh Mỹ		1,5	CLN, ODT		
8	Đường từ ngã 3 Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra bờ sông Sài Gòn	DGT	Chánh Nghĩa	5,40	0,45	CLN, ODT		
9	Mở mới đường N3 (Bùi Quốc Khánh nối dài - CMT8, đường Liên Khu 4-5)	DGT	Chánh Nghĩa		0,77	CLN, ODT		
10	Đường Nhựa (Nhà Ông Ngọc, đường Nguyễn Tri Phương - Sông SG)	DGT	Chánh Nghĩa		0,49	CLN, ODT		
11	Nâng cấp mở rộng đường kết nối KDC Chánh Nghĩa với CMT8	DGT	Chánh Nghĩa		0,34	CLN, ODT		
12	Mở rộng đường Trần Ngọc Lên (đại lộ BD - Huỳnh Văn Lũy)	DGT	Định Hòa		3,63	CLN, ODT		
13	Mở rộng đường ĐX-62, ĐX-63 từ Nguyễn Văn Thành đến Đại học Miền Đông (N12 cũ)	DGT	Định Hòa	0,80	1,1	CLN, ODT		
14	Đường ven đường Mỹ Phước - Tân Vạn	DGT	Định Hòa, Phú Mỹ, Phú Lợi, Phú Hòa		32,91	CLN, ODT		
15	Đường song hành (Trần Ngọc Lên-ĐT741)	DGT	Định Hòa		4,18	CLN, ODT		
16	Đường ven suối Mù U	DGT	Định Hòa		2,3	cln		
17	Đường ranh Định Hòa - Hòa Phú (D14)	DGT	Định Hòa		1,88	CLN, ODT		
18	Mở rộng đường từ Đại lộ BD đến Khu liên hợp (ĐX-71, N8B)	DGT	Định Hòa		1,28	CLN, ODT		
19	Mở rộng đường Trường Bồng Bông (từ đường Nguyễn Văn Thành đến đường ngang của khu QH Becamex)	DGT	Định Hòa		0,73	CLN, ODT		
20	Các trục giao thông chính thuộc Quy hoạch các bệnh viện và một số công trình nhà nước	DGT	Định Hòa		2	BCS		
21	Nâng cấp mở rộng đường ĐX-071 (từ ĐLBD đến Mỹ Phước Tân Vạn)	DGT	Định Hòa		1,6	CLN, ODT		
22	Cải tạo nút giao thông Sở Sao	DGT	HA, ĐH		0,48			
23	Giao lộ Ngã tư Cây Me	DGT	Hiệp An		2,6			
24	Giao lộ ĐL Bình Dương - Khu phố 9	DGT	Hiệp An			CLN, ODT		
25	Làm mới đường Ngang N4 (Đường Nguyễn Chí Thanh-đường Trục Chính)	DGT	Hiệp An		4,58	CLN, ODT		
26	Làm mới đường Ngang N5 (Đường Nguyễn Chí Thanh-đường Trục Chính)	DGT	Hiệp An		3,47	CLN, ODT		
27	Làm mới đường D4B (Đường Tạo lực 6 nối dài từ ĐLBD- Phan Đăng Lưu)	DGT	Hiệp An		1,4	CLN, ODT		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
28	Làm mới đường trục chính (ĐL Bình Dương-Đường Phan Đăng Lưu)	DGT	Hiệp An		14,04	CLN, ODT		
29	Đường Huỳnh Thị Chấu	DGT	Hiệp An		0,59	CLN		
30	Đường 2 bên suối Mù U	DGT	Hiệp An		4,3	cln		
31	Mở rộng Đường Bùi Ngọc Thu (Hiệp An - Tương Bình Hiệp)	DGT	Hiệp An, Tương Bình Hiệp	0,39	2,26	CLN, ODT		
32	Làm mới đường D3 từ (Đường Khu Hoàng Hoa Thám - Phạm Ngọc Thạch)	DGT	Hiệp Thành		2,13	CLN, ODT		
33	Đường ven Suối Giữa	DGT	Hiệp Thành		2			
34	Xây dựng tuyến nhánh đường Phạm Ngũ lão nối dài từ Phạm Ngũ Lão đến Phạm Ngọc Thạch	DGT	Hiệp Thành		0,42	CLN, ODT		
35	Đường Liên phường Hiệp Thành - Phú Lợi	DGT	Hiệp Thành, Phú Lợi		1,19	CLN, ODT		
36	Đường vào trường Mẫu giáo Sao Mai	DGT	Hiệp Thành		0,02	CLN		
37	Bãi giữ xe công cộng phía sau Thư viện tỉnh (Cty TNHH xe buýt Becamex Tokyu)	DGT	Hiệp Thành		0,15	DVH		
38	Mở rộng đường Huỳnh Văn Lũy	DGT	Hòa Phú, Phú Mỹ, Phú Tân		3,2	CLN, ODT, DNL, DKV		
39	Làm mới đường khu dân cư Trường Sơn (từ Thích Quảng Đức - Chùa Hội Khánh)	DGT	Phú Cường		0,63	ODT		
40	Mở rộng đường Liên khu 1, 2, 3	DGT	Phú Cường		0,02	ODT		
41	Mở rộng đường Nguyễn Thái Bình nối dài thuộc dự án Đô thị Phú Hoà	DGT	Phú Hòa		6,02	HNK, ODT		
42	Làm mới đường N15 từ (Đường Đại Lộ Bình Dương - đường Mỹ Phước Tân Vạn)	DGT	Phú Hòa		9,35	HNK, ODT		
43	Làm mới đường N16 ven suối Cát từ (Đường Mỹ Phước Tân Vạn -Minh Khai)	DGT	Phú Hòa		4,56	HNK		
44	Đường Liên khu 3-8	DGT	Phú Hòa	0,54	1,17	HNK, ODT		
45	Đường nối 30/4 đến Trần Văn Ơn (N8)	DGT	Phú Hòa		0,43	CLN, ODT		
46	Mở rộng đường Trần Văn Ơn (Phú Lợi - Đại lộ BD)	DGT	Phú Hòa		0,92	CLN, ODT		
47	Nâng cấp, mở rộng đường Liên khu 5, 8, 9 phường Phú Hòa (đường N6 từ đường Trần Văn Ơn - Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thị Minh Khai)	DGT	Phú Hòa		2,07	CLN, ODT		
48	Nâng cấp, mở rộng đường Liên khu 6, 7, 8, 9 (đường N10 từ Trần Văn Ơn đến Nguyễn Thị Minh Khai)	DGT	Phú Hòa		1,38	CLN, ODT		
49	Đường Vành đai 3	DGT	Phú Hòa		17,5	HNK, CLN		
50	Đường Lê Hồng Phong nối dài	DGT	Phú Lợi		1,32	CLN, ODT		
51	Đường N15 từ (Đường Lê Hồng Phong kéo dài tới vòng xoay Mỹ Phước Tân Vạn)	DGT	Phú Lợi		2,75	CLN, ODT		
52	Làm mới Đường Trần Ngọc Lên nối N2	DGT	Phú Mỹ		1,71	CLN, ODT		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
53	Đường nối từ Huỳnh Văn Luỹ-TĐC Phú Mỹ (đường ĐX37)	DGT	Phú Mỹ		1,17	CLN, ODT		
54	Làm mới đường liên KP 1-5 (Đường ĐX-005)	DGT	Phú Mỹ		6,65	CLN, ODT		
55	Nâng cấp mở rộng đường ĐX-02 (QHPK là D5)	DGT	Phú Mỹ		1,54	CLN, ODT		
56	Nâng cấp mở rộng đường ĐX-01 (QHPK là D11) từ đường Phạm Ngọc Thạch đến Mỹ Phước- Tân Vạn	DGT	Phú Mỹ		1,15	CLN, ODT		
57	Đường phân khu D13 (ĐX-41)	DGT	Phú Mỹ		0,8	CLN, ODT		
58	Cảng du lịch Bà Lụa, khu phố 6	DGT	Phú Thọ		9	HNK, CLN, ODT, DVH		
59	Làm mới đường N13 từ (Cty Đường Bình Dương - Đường N4)	DGT	Phú Thọ		2,96	CLN, ODT		
60	Làm mới đường N14 từ (Đình Bà Lụa - Đường ven sông Sài Gòn)	DGT	Phú Thọ		3,12	CLN, ODT		
61	Đường Liên ranh (Phú Thọ-Thị trấn An Thạnh)	DGT	Phú Thọ		0,45	HNK, CLN		
62	Đường AT37	DGT	Phú Thọ		0,2			
63	Làm mới đường N2 từ (Đại lộ Bình Dương - Đường Cách Mạng Tháng 8)	DGT	Phú Thọ		3,02	CLN, ODT		
64	Nâng cấp mở rộng đường phân khu D13 (tổ 79, khu 5 từ đường 30/4 đến Lê Hồng Phong)	DGT	Phú Thọ		0,44	CLN, ODT		
65	Đường tổ 61, khu 8 từ đường 30/4 đến Lê Hồng Phong	DGT	Phú Thọ		1,03	CLN, ODT		
66	Mở rộng Đường Huỳnh Thị Hiếu (Đình Tân An-Nguyễn Chí Thanh)	DGT	Tân An	4,51	7,79	CLN, ODT		
67	Làm mới đường (Rạch Bàu, Rạch Tre, 1 đoạn Phan Đăng Lưu nối dài)	DGT	Tân An		8,8	CLN, ODT		
68	Mở rộng Đường Phan Đăng Lưu (Huỳnh Thị Hiếu - Nguyễn Chí Thanh)	DGT	Tân An, Tương Bình Hiệp	0,84	2,32	CLN, ODT		
69	Đường N6	DGT	Tân An		2,74	CLN, ODT		
70	Đường N7	DGT	Tân An		2,68	CLN, ODT		
71	Đường ĐX 124 (D9-đường vào trụ sở UBND phường mới)	DGT	Tân An		3,6	CLN, ODT		
72	Đường trục chính Đông Tây	DGT	Tân An		5	CLN, ODT		
73	Mở rộng Đường Lê Chí Dân	DGT	Tân An, Tương Bình Hiệp	1,94	3,5	CLN, ODT		
74	Mở rộng Đường Lê Văn Tách (Hồ Văn Cống - Cầu Xoay)	DGT	Tương Bình Hiệp	0,91	0,88	CLN, ODT		
75	Làm mới đường N9	DGT	Tương Bình Hiệp		4,58	CLN, ODT		
76	Làm mới đường D5	DGT	Tương Bình Hiệp		9,53	CLN, ODT		
77	Đường ven suối Giữa	DGT	Tương Bình Hiệp		1,3	HNK		
78	Mở mới đường trục phân khu (ĐX 144)	DGT	Tương Bình Hiệp		3,34	CLN, ODT		
VI	**ĐẤT THỦY LỢI**							
I	Trục thoát nước Bưng Biệp - suối Cát	DTL	Phú Hòa		14,14			

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	(từ cổng ngang QL13 đến cầu Trắng)							
2	Trục thoát nước suối Giữa (từ Mỹ Phước Tân Vạn đến trạm thu phí Suối Giữa)	DTL	Hiệp Thành, Phú Mỹ		10,73			
3	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	DTL	Phú Thọ		0,17			
4	Mở rộng suối Cầu Trệt	DTL	Hiệp Thành, Phú Mỹ		0,83	HNK, CLN		
5	Mở rộng suối suối Mù U	DTL	Định Hòa	1,74	1,94	HNK		
VII	**ĐẤT NĂNG LƯỢNG**							
1	Đường điện 110 kV Hòa Phú - T5 và đường dây nối	DNL	Hòa Phú		0,4			
2	Hành lang đường điện 110kV Bàu Bèo - T1 và dây đấu nối	DNL	Phú Tân		0,6			
3	Hành lang đường điện 220kV từ trạm 500kV Tân Định đến trạm 220kV Tân Uyên	DNL	Phú Tân		1,02	SKC		
VIII	**ĐẤT Y TẾ**							
1	Trung tâm y tế thành phố TDM	DYT					357,00	33,00
2	Mở rộng Trạm y tế Định Hòa	DYT	Định Hòa	0,33	0,1	CLN		
3	Mở mới Trạm Y tế TBH (lấy đất của trường Mẫu giáo Hoa Sen)	DYT	Tương Bình Hiệp		0,13	DGD		
IX	**ĐẤT VĂN HÓA**							
1	Trung tâm VH Phú Hòa	DVH	Phú Hòa		2,42	CLN, NTD	1p80, 1p106	50, 51
2	Chuyển đổi công năng khu trụ sở UBND phường Phú Cường cũ làm Nhà truyền thống kết hợp Thư viện	DVH	Phú Cường		0,31	TSC		
3	Nhà văn hóa phường Chánh Mỹ	DVH	Chánh Mỹ		1	DTT		
4	Trung tâm văn hoá Thể thao phường Chánh Nghĩa	DVH	Chánh Nghĩa		1,46	NTD	94,00	38,00
5	Trung tâm văn hoá thể thao phường (Khu TM ĐT DV phường TBH)	DVH	Tương Bình Hiệp		3	NTD		
6	Trung tâm VHTT Phú Tân	DVH	Phú Tân		1,5	DHT	19,93	
7	Trung tâm văn hóa thể thao Phú Thọ	DVH	Phú Thọ		0,82	NTD		
X	**ĐẤT GIÁO DỤC**							
1	Trường Tiểu học Nguyễn Du	DGD	Phú Cường	0,29	2	CLN, ODT		
2	Mở rộng Tiểu học Trần Phú (Cơ sở 2)	DGD	Chánh Nghĩa	0,40	0,60	ODT		
3	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	DGD	Phú Thọ		0,98	ODT		39,00
4	mở rộng Trường trung học cơ sở Phú Hòa	DGD	Phú Hòa	0,40	0,06	DYT	3,10,11	394,00
5	Trường trung học cơ sở Phú Hòa 2 (Khu dân cư 198ha)	DGD	Phú Hòa		3,09	BCS		58, 59
6	Xây mới trường mẫu giáo Vành Khuyên	DGD	Phú Hòa		0,6	CLN, ODT		
7	Tiểu học Phú Lợi 2	DGD	Phú Lợi		1	TMD	289,00	322,00
8	Trường tiểu học Định Hòa 2	DGD	Định Hòa		1,18	NTD		
9	Trường THPT Hàn Thuyên	DGD	Hiệp An		3,92	TMD		
10	Xây dựng mầm non Phan Đăng Lưu	DGD	Tân An		1,2	CLN		
11	Trường THPT Phan Đăng Lưu	DGD	Tân An		3,51	CLN		
12	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị TP Thủ	DGD	Chánh Mỹ		0,27	DGD	130,00	61,00

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	Dầu Một							
13	Trường Mẫu giáo Hoạ Mi	DGD	Phú Thọ		0,58	NTD		
14	Học viện bóng đá Nutifood	DGD	Tương Bình Hiệp					
15	Trường Tạo Nguồn TDM	DGD	Tương Bình Hiệp		1	NTD		ht7
16	Mở rộng trường THCS Chánh Nghĩa	DGD	Chánh Nghĩa		0,2	CLN		
17	Trường THCS Phú Lợi (đất của Cty Phú Cường & ENS FOAM đường Huỳnh Văn Nghệ)	DGD	Phú Lợi		0,99	TMD, SKC		
18	Trường mầm non Kim Đồng (Khu phố 3)	DGD	Hiệp An		0,8	NTD		
XI	**ĐẤT THỂ THAO**							
1	Trung tâm thể thao	DTT	Hòa Phú		4,88	bcs		
2	Câu lạc bộ sân golf và khu nghỉ dưỡng Đào Hồ Điệp (sân golf Thái Hòa)	DTT	Hòa Phú	100,00	100,00	bcs		
3	Sân vận động Khu D, giáp đường số 90, 85, Khu Phố 2	DTT	Phú Tân		1,81	bcs		
XII	**ĐẤT CHỢ**							
1	Mở rộng chợ Bình Điềm	DCH	Phú Hòa	0,50	0,87	DGD		
3	Chợ Phú Văn (mở rộng)	DCH	Phú Thọ	0,10	0,3	CLN, ODT		
XIII	**ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG**							
1	Hồ điều hoà nước khu Liên Hợp	MNC	Hiệp Thành		4	HNK		
2	Hồ điều tiết nước	MNC	Phú Hòa		2,4	HNK, ODT		
3	Hồ điều tiết nước	MNC	Hiệp Thành		6	CLN		
4	Hồ nước góc đường D1, Huỳnh Thị Hiếu	MNC	Tân An		4	HNK, ODT		
5	Hồ nước công viên Trung tâm	MNC	Chánh Mỹ		1,9	bcs		
XIV	**ĐẤT DI TÍCH DANH THẮNG**							
1	Di tích Mộ ông Võ Văn Vân	DDT	Chánh Nghĩa		0,07	NTD		
2	Biểu tượng Binh Đoàn Thiết Giáp	DDT	Hiệp Thành		0,01	CLN		
3	Đất di tích phường Hiệp Thành	DDT	Hiệp Thành		0,71	CLN		
4	Biểu tượng văn hóa nghệ thuật	DDT	Hiệp Thành		0,02	CLN		
5	Chùa Hội Khánh	DDT	Phú Cường		0,82	TON		
6	Nhà cổ Trần Văn Hổ	DDT	Phú Cường		0,16	ODT		
7	Nhà cổ Trần Công Vàng	DDT	Phú Cường		0,12	ODT		
8	Nhà cổ Nguyễn Tri Quang	DDT	Tân An		0,38	ODT		
9	Đình Tương Bình Hiệp	DDT	Tương Bình Hiệp		0,86	CLN, TIN		
10	Lò Lu Đại Hưng	DDT	Tương Bình Hiệp		1,6	SKC		
11	Nhà truyền thống Sơn Mài	DDT	Tương Bình Hiệp		1,07	SKC		
12	Bia tưởng niệm Hố Trâu (Khu đô thị Thái Bình Dương)	DDT	Tương Bình Hiệp		0,27	CLN		
XV	**ĐẤT TSCQ**							
1	Cục thi hành án dân sự tỉnh	TSC	Hòa Phú		0,4	DGD	12,00	109,00
2	Kho lưu trữ Sở TNMT	TSC	Hòa Phú		0,3	DGD	12,00	109,00
3	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh Bình	TSC	Hòa Phú		0,9	DGD	12,00	109,00

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	Dương							
4	Chốt gác dân quân khu phố 7	TSC	Phú Lợi		0,08	NTD		
5	Mở rộng Trụ sở UBND phường Phú Thọ	TSC	Phú Thọ		0,08	ODT		
6	Trụ sở UBND mới	TSC	Tân An		0,75	CLN, NTD	2374, 1010, 934	8,00
7	Mở rộng UBND phường Tương Bình Hiệp	TSC	Tương Bình Hiệp	0,39	0,56	CLN		
8	BCHQS TP. Thủ Dầu Một (chuyển thành đất TS UBND phường)	TSC	Hiệp Thành		1,25	CQP		
9	Trường Mẫu giáo Hoa Sen cơ sở 2 (chuyển thành đất TS đội thuế phường)	TSC	Tương Bình Hiệp		0,16	DGD		
XVI	**ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP**							
1	Trung tâm nghiên cứu đo lường chất lượng nước	DTS	Phú Thọ		1	HNK		
XVII	**ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG**							
1	Văn phòng KP Chánh Lộc 6 trên nền trường mầm non Hoa Hướng Dương cũ (VT Công an phường mượn)	DSH	Chánh Mỹ		0,16	DGD		
2	VP khu phố 8	DSH	Phú Cường		0,02	DKV		
3	Mở rộng trụ sở VP khu phố 7	DSH	Phú Hòa		0,05	DGD		
4	Mở rộng trụ sở VP khu phố 9	DSH	Phú Hòa		0,11	NTD		
5	Văn phòng KP4	DSH	Phú Mỹ		0,04	NTD	19,00	134,00
6	Văn phòng KP5	DSH	Phú Mỹ		0,04	NTD		
7	Văn phòng KP1	DSH	Phú Mỹ		1,94	NTD		
8	Mở rộng Văn phòng KP8	DSH	Tân An	0,01	0,01	odt		
9	Mở rộng Văn phòng KP5	DSH	Tân An	0,01	0,02	odt	1309,00	11,00
10	Mở rộng Văn phòng KP3	DSH	Tân An	0,01	0,03	NTD		
11	Mở rộng Văn phòng KP7	DSH	Tân An		0,04	NTD		
12	VP khu phố 7 (sau khi tách)	DSH	Phú Lợi		0,08	NTD		
XVIII	**ĐẤT KHU VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CÔNG CỘNG**							
1	Đất cây xanh dọc suối Giữa	DKV	Chánh Mỹ		11,86	HNK		
2	Đất cây xanh dọc sông Sài Gòn	DKV	Chánh Mỹ		13,53	HNK		
3	Đất cây xanh dọc rạch Bà Quyền	DKV	Chánh Mỹ		6,32	HNK		
4	Hoa viên tại khu đất công khu phố Chánh Lộc 7	DKV	Chánh Mỹ		0,22	TSC		
5	Hoa viên tại khu đất công (sân phơi) khu phố Chánh Lộc 7	DKV	Chánh Mỹ		0,04	TSC		
6	Hoa viên tại khu đất công khu phố Chánh Lộc 1	DKV	Chánh Mỹ		0,13	NTD		
7	Hoa viên tại khu đất công khu phố Chánh Lộc 3	DKV	Chánh Mỹ		0,5	NTD		
8	Hoa viên trên nền trụ sở UBND phường cũ	DKV	Chánh Mỹ		0,13	TSC		
9	Cây xanh ngã 3 rạch Thủ Ngữ và ven rạch Thủ Ngữ	DKV	Chánh Nghĩa		2,22	CLN		
10	Cây xanh ven Sông Sài Gòn	DKV	Chánh Nghĩa		3,13	CLN		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
11	Đất cây xanh chuyển từ đất nghĩa địa (gần khu TĐC Chánh Nghĩa)	DKV	Chánh Nghĩa		1,5	NTD		
12	Cây dọc đường CMT8 (sau lưng Thành đoàn & chùa Tiên Thắng)	DKV	Chánh Nghĩa		0,21	CLN		
13	Cây xanh Khu dân cư Võ Minh Đức	DKV	Chánh Nghĩa		1,74	CLN		
14	Công viên trước khu vực trường Chính Trị	DKV	Chánh Nghĩa		0,08	CLN		
15	Hoa viên tại khu phố 7 (đối diện BĐH khu phố 6) đường Bùi Quốc Khánh	DKV	Chánh Nghĩa					
16	Hoa viên tại giao lộ đường Nguyễn Tri Phương và đường CMT8-NTP (đối diện BĐH khu phố 9)	DKV	Chánh Nghĩa					
17	Cây xanh Khu đô thị ven sông Chánh Nghĩa (dự án cty Thành Nguyên cũ)	DKV	Chánh Nghĩa		6,53	CLN		
18	Đất DKV chuyển từ đất NTD	DKV	Định Hòa		5,3	NTD		
19	Đất DKV ven suối Giữa	DKV	Định Hòa		5	BCS		
20	Đất cây xanh gần THPT Bình Phú	DKV	Định Hòa		1,88	CLN		
21	Đất cây xanh chuyển từ đất công (sân vận động)	DKV	Định Hòa		0,82	DTT		
22	Đất cây xanh nút giao đường ĐX081 và ĐX082 (khu phố 2)	DKV	Định Hòa		2,95	ODT, SKC		
23	Đất cây xanh đối diện đình Hòa An (khu phố 1)	DKV	Định Hòa		0,98	CLN, ODT		
24	Đất cây xanh ven suối Mù U	DKV	Định Hòa		2,05	HNK, CLN, ODT		
25	Đất cây xanh dọc HLBVĐĐ 500KV (KP5, KP6)	DKV	Định Hòa		2,79	HNK, CLN, ODT		
26	CVCX khu nghĩa địa dọc đường Nguyễn Chí Thanh (khu phố 1)	DKV	Hiệp An		0,12	NTD		
27	CVCX khu nghĩa địa đường ĐX 95 (khu phố 6)	DKV	Hiệp An		0,09	NTD		
28	Đất cây xanh HLBVĐĐ	DKV	Hiệp An		1,29	ODT, CLN		
29	Đất cây xanh HLBVĐĐ 2	DKV	Hiệp An		0,46	ODT		
30	Đất cây xanh HLBVĐĐ 3	DKV	Hiệp An		0,99	ODT, SKC		
31	Đất cây xanh nút giao Tạo lực 6 và ĐLBD	DKV	Hiệp An		0,88	ODT, DGD		
32	Đất cây xanh nút giao ĐLBD và Nguyễn Chí Thanh	DKV	Hiệp An		1,4	HNK, ODT		
33	Công viên trên nền công an TP.Thủ Dầu Một	DKV	Hiệp Thành		0,27	CAN		
34	Đất cây xanh dọc suối Giữa	DKV	Hiệp Thành		7,82	HNK		
35	Đất cây xanh cạnh đường Nguyễn Đức Thuận (sau BV đa khoa)	DKV	Hiệp Thành		6,75	CLN, ODT		
36	Đất cây xanh cạnh trường Tạo nguồn thành phố (khu phố 5)	DKV	Hiệp Thành		2,64	CLN, ODT		
37	Đất cây xanh cạnh đường N9 (khu phố 7)	DKV	Hiệp Thành		1,06	CLN, ODT		
38	Hoa viên KV Mũi Tàu (CMT 8 - Đại lộ Bình Dương)	DKV	Hiệp Thành		0,4	CAN, ODT, DGD		
39	Công viên cây xanh chuyển từ Trung tâm VHTT thành phố cũ	DKV	Phú Cường		0,1	DVH		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
40	Khu công viên cây xanh, giáp trường sỹ quan và TTTM Bạch Đằng, KP 14	DKV	Phú Cường		0,36	BCS		
41	Công viên cây xanh khu vực chùa Phổ Thiện Hòa & rạch ông Đành, KP 13	DKV	Phú Cường		0,6	HNK, CLN		
42	Hoa viên CMT8-Nguyễn Văn Tiết (TTPT quỹ đất TP TDM cũ)	DKV	Phú Cường		0,06	TSC		
43	Khu vui chơi thiếu nhi	DKV	Phú Cường		0,05	CLN		
44	Công viên Phú Cường (dự án TK21)	DKV	Phú Cường		24,48	BCS		
45	Hoa viên Khu vui chơi thiếu nhi cũ	DKV	Phú Cường		0,03	DKV		
46	Hoa viên KV CMT8 - Hùng Vương (Ngã tư Quốc tế)	DKV	Phú Cường		0,08	TMD, ODT		
47	Hoa viên KV Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường	DKV	Phú Cường		0,04	TSC		
48	Cây xanh dọc suối Cát	DKV	Phú Hòa		8,53	HNK, ODT		
49	Cây xanh dọc suối Lò Nhang (suối con), khu phố 3	DKV	Phú Hòa		2,82	HNK		
50	Cây xanh khu vực Hồ điều tiết nước suối Lò Nhang (suối con), khu phố 3	DKV	Phú Hòa		3,94	HNK		
51	Cây xanh khu vực đối diện Đài truyền hình Bình Dương, khu phố 6	DKV	Phú Hòa		1,2	HNK		
52	Đất cây xanh khu Dân cư Phú Hòa 1	DKV	Phú Hòa		0,12	BCS		
53	Cây xanh khu vực chùa An Lạc, khu phố 7	DKV	Phú Hòa		0,44	HNK, CLN		
54	Cây xanh khu vực Cty Nam Việt, khu phố 9	DKV	Phú Hòa		1,49	HNK, ODT		
55	Hoa viên đất công khu 8	DKV	Phú Hòa		0,26	CLN		
56	Hoa viên đất công cạnh trường Cao đẳng y tế	DKV	Phú Hòa		0,07	CLN		
57	Khu đất thu hồi của DN tư nhân DV TM Hải Long (đường Phú Lợi)	DKV	Phú Hòa		0,6	SKC		
58	Đất cây xanh dọc đường Phạm Ngũ Lão nối dài	DKV	Phú Lợi		3,38	CLN, ODT		
59	Đất cây xanh góc vòng xoay MPTV và đường N15	DKV	Phú Lợi		8,4	cln, odt, skc		
60	Đất cây xanh góc đường Lê Hồng Phong nối dài và Huỳnh Văn Luỹ	DKV	Phú Lợi		1,51	CLN, ODT		
61	Khu đất thu hồi của Cty CP TM-ĐT-XD Phú Cường (đường Huỳnh Văn Nghệ)	DKV	Phú Lợi		0,4	SKC		
62	Hoa viên tại KV đường ĐX-20 và đường Huỳnh Văn Luỹ, khu phố 6	DKV	Phú Mỹ		0,29	NTD		
63	Hoa viên tại đường ĐX-26 và đường Huỳnh Văn Luỹ, khu phố 3	DKV	Phú Mỹ		0,02	ODT		
64	Hoa viên tại đường Huỳnh Văn Luỹ, khu phố 8	DKV	Phú Mỹ		0,05	ODT		
65	Hoa viên tại KV giao đường Huỳnh Văn Luỹ và đường Đồng Cây Viết, khu phố 1	DKV	Phú Mỹ		0,05	CLN		
66	Hoa viên tại đường Huỳnh Văn Luỹ, khu phố 3	DKV	Phú Mỹ		0,1	DYT		
67	Hoa viên tại đường Phạm Ngọc Thạch,	DKV	Phú Mỹ		0,01	ODT		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	khu phố 4							
68	Hoa viên tại khu đất công phía sau trụ sở UBND phường Phú Mỹ	DKV	Phú Mỹ		0,34	CLN		
69	Công viên tại khu đất công trước trường THCS Phú Mỹ	DKV	Phú Mỹ		1,5	NTD		
70	Đất cây xanh chuyển từ đất NTD còn lại khu phố 2	DKV	Phú Mỹ		0,19	NTD		
71	Công viên tại khu đất công đường Huỳnh Văn Lũy (đối diện VPKP6)	DKV	Phú Mỹ		0,33	NTD		
72	Công viên tại khu đất công đường ĐX-21 (khu phố 6)	DKV	Phú Mỹ		0,18	NTD		
73	Công viên góc đường ĐX-06 & ĐX-05 (khu phố 8)	DKV	Phú Mỹ		1,42	CLN, ODT		
74	Công viên cạnh trường MG Hoa Mai	DKV	Phú Mỹ		0,06	CLN		
75	Đất cây xanh chuyển từ đất NTD còn lại khu phố 4	DKV	Phú Mỹ		0,15	NTD		
76	Đất cây xanh chuyển từ đất NTD còn lại khu phố 5	DKV	Phú Mỹ		0,35	NTD		
77	Công viên cây xanh toàn phường Phú Tân	DKV	Phú Tân	7,00	2			
78	Đất cây xanh xung quanh nhà máy xử lý nước thải	DKV	Phú Thọ		4,22	SKC		
79	cây xanh chuyển từ đất NTD còn lại	DKV	Phú Thọ			ntd		
80	Hoa viên tại giao lộ đường Phan Bội Châu và Lý Tự Trọng - Xóm Guốc	DKV	Phú Thọ		0,06	NTD		
81	Đất cây xanh dọc sông Sài Gòn	DKV	Phú Thọ		1,44	CLN		
82	Đất cây xanh dọc rạch Bà Lụa	DKV	Phú Thọ		9	HNK, CLN		
83	Đất cây xanh dọc suối Cát & mương nước KV TT nghiên cứu đo lường chất lượng nước	DKV	Phú Thọ		2,37	HNK, CLN		
84	Đất cây xanh chuyển từ đất NTD còn lại	DKV	Phú Thọ		3,94	ntd		
85	Đất cây xanh dọc đường ray xe lửa cũ	DKV	Phú Thọ		1,69	DTL		
86	Đất cây xanh đối diện văn phòng KP8	DKV	Phú Thọ		1,34	CLN		
87	Đất cây xanh đối diện đường AT37	DKV	Phú Thọ		4,14	HNK, CLN		
88	Hoa viên tại khu đất công đường ĐX 127	DKV	Tân An		0,22	NTD		
89	Hoa viên tại khu đất công đường Huỳnh Thị Hiếu (trụ sở cũ của UBND phường)	DKV	Tân An		0,1	TSC		
90	Hoa viên tại khu đất công đường Phan Đăng Lưu	DKV	Tân An		0,03	TSC		
91	cây xanh dọc sông Sài Gòn	DKV	Tân An		41,49	cln		
92	Hoa viên tại khu đất công đường ĐX 127 (nghĩa địa phía sau trường tiểu học Tân An)	DKV	Tân An		0,4	NTD		
93	Đất cây xanh dọc các suối	DKV	Tân An		6,47	HNK		
94	Đất cây xanh công viên Trung tâm	DKV	Tân An		3,02	HNK, CLN		
95	Đất cây xanh dọc suối Cạn	DKV	Tân An		3,61	HNK		
96	Đất cây xanh dọc và nút giao giữa các đường điện	DKV	Tân An		21,75	HNK, CLN, ODT, NTD		
97	Đất cây xanh chuyển từ các nghĩa địa	DKV	Tân An		5,75	NTD		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	rải rác toàn phường							
98	Công viên cây xanh Tân An (Dự án Đại lộ Đông Tây)	DKV	Tân An		150	HNK, CLN		
99	Đất cây xanh chuyển từ đất nghĩa địa đường Hồ Văn Cống đối diện VPKP 7 (trường trung cấp Đông Nam cũ)	DKV	Tương Bình Hiệp		0,7	NTD		
100	Đất cây xanh khu đất công (kho lúa, khu phố 8)	DKV	Tương Bình Hiệp		0,16	PNK		
101	Đất cây xanh khu đất công (chợ Cũ, khu phố 5)	DKV	Tương Bình Hiệp		0,03	DCH		
102	Đất cây xanh các khu đất công khu vực chợ Mới, khu phố 3	DKV	Tương Bình Hiệp		0,99	HNK		
103	Đất cây xanh chuyển từ đất nghĩa địa dọc đường Hồ Văn Cống (khu phố 5, khu phố 6)	DKV	Tương Bình Hiệp		2,3	NTD		
104	Đất cây xanh ven sông Sài Gòn và các kênh rạch	DKV	Tương Bình Hiệp		19,69	NHK, CLN		
IXX	**ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA**							
1	Nhà tang lễ TP Thủ Dầu Một	NTD	Phú Mỹ		1,36	DVH		
XX	**ĐẤT KHU DÂN CƯ**							
1	Khu dân cư Võ Minh Đức	ODT	Chánh Nghĩa		19,11	CLN, ODT		
2	Khu nhà ở U & I	ODT	Chánh Nghĩa		2,26	CLN, ODT		
3	Khu đô thị ven sông Chánh Nghĩa (dự án cty Thành Nguyên cũ)	ODT	Chánh Nghĩa		35	CLN, ODT		
4	Cải tạo, chỉnh trang đô thị khu vực tiếp giáp KDC Thành Nguyên cũ	ODT	Chánh Nghĩa		13,26	CLN, SKC		
19	Cải tạo, chỉnh trang đô thị khu vực Suối Mù U	ODT	Hiệp An		20	CLN		
5	Khu đô thị mới Hiệp Thành (KV Suối Giữa)	ODT	Hiệp Thành		31,5	CLN, ODT		
6	Khu tái định cư Hành chính tập trung (6,51 ha)	ODT	Hiệp Thành		7,08	CLN, ODT		
7	Khu tái định cư KCN Đồng An 2	ODT	Hòa Phú		25	CLN		
8	Thành ủy TDM (chuyển đổi công năng thành đất ở)	ODT	Hiệp Thành		3,96			
9	Khu đô thị mới Phú Hòa	ODT	Phú Hòa		110	HNK, CLN, ODT		
10	Chuyển XN giày Liên Việt thành đất ở	ODT	Phú Lợi		2,35	SKC		
11	Khu dân cư Phú Thuận	ODT	Phú Lợi		18,34	bcs		
12	Khu đất thu hồi của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương	ODT	Phú Lợi		0,7	SKC		
13	Khu TĐC Phú Mỹ (giáp đình Phú Hữu)	ODT	Phú Mỹ		4,5	HNK, CLN		131,00
14	Khu nhà ở thương mại dịch vụ Phú Mỹ (Cty Genimex)	ODT	Phú Mỹ		9,85	HNK, TMD		
15	Dự án khu đô thị, TM, DV Gia Thịnh cũ (45,5ha), khu phố 6	ODT	Phú Thọ		45,5	hnk, cln, odt,		
16	Dự án khu dân cư Phú Thịnh 24,81ha	ODT	Phú Thọ		24,81	cln, odt, bcs		
17	Khu dự án Biệt Thự U&I (22,89ha)	ODT	Phú Thọ		22,89	CLN, ODT		
18	Khu nhà ở thương mại cao cấp Thalexim	ODT	Phú Thọ		5,05	TMD		
19	Khu đô thị mới Tân An (Dự án Đại lộ	ODT	Tân An		250	CLN		

STT	Hạng mục	Mã LĐ	Địa điểm	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020			Địa điểm thực hiện	
				Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất	Thửa	Tờ
	Đông Tây)							
20	Khu đô thị mới Thái Bình Dương	ODT	Tương Bình Hiệp		96,7	CLN, ODT		
21	Khu đô thị mới SaBinCo 32,28ha	ODT	Tương Bình Hiệp		32,28	CLN, ODT		
22	Khu Tái định cư Tương Bình Hiệp (Dự án Trường Cao đẳng Đông Nam cũ)	ODT	Tương Bình Hiệp		2	NTD		
XX	**CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA VÀO ĐẤU GIÁ QSDĐ, GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN (HOẶC ĐỔI ĐẤT LẤY CƠ SỞ HẠ TẦNG)**							
1		ODT	Hiệp An		0,33	NTD	thửa 49 tờ 59	
2		ODT	Hiệp An		1,2	NTD	thửa 94, 1068 tờ 15; thửa 25, 38, 39, 40 tờ 8, 190 tờ 16	
3		ODT	Phú Thọ		0,24	NTD	thửa 11 tờ 31	
4		ODT	Định Hòa		2,46	NTD	thửa 692 tờ 15.5; thửa 729 tờ 26.1; thửa 16, 42 tờ 8.1	
5		ODT	Định Hòa		0,68	NTD	thửa 697, 1f698, 618, 619 tờ 15.6	
6		ODT	Định Hòa		0,24	NTD	thửa 25 tờ 18.1	
7	Khu đất Thư viện & trụ sở UBND phường Hiệp Thành (sau khi trụ sở di dời vào khu đất Thị đội cũ)	ODT	Hiệp Thành		2	DHT, TSC		
8		ODT	Tương Bình Hiệp		0,85	NTD	thửa 194 tờ 10.7; thửa 08, 2790, 2797 tờ 10.1	
9		ODT	Phú Mỹ		0,19	NTD	thửa 171 tờ 10.6	
10		ODT	Phú Mỹ		0,6	NTD	thửa 17 tờ 8.4; thửa 405 tờ 8.14	